

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2017
“V/v Ly hôn giữa anh B
và chị Q”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực
2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 12-09-2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Như Q, sinh năm 1996

Nguyên quán: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Văn B trình bày: Anh và chị Nguyễn Như Q kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-7-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, do không khắc phục được mâu thuẫn nên chị Q đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 8-2016 và vợ chồng cũng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị Q không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân

(viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn chị Q. Anh và chị Q không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ gì ai.

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 16-02-2017 (đơn có chứng thực của UBND xã P, huyện B, tỉnh B), bị đơn chị Nguyễn Như Q trình bày: Chị và anh Trần Văn B kết hôn với nhau vào tháng 6-2016, sau khi kết hôn chị về chung sống tại gia đình chồng tại thôn Minh Đức, xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, hạnh phúc gia đình không có nên vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ ngày 24-12-2016. Chị được biết anh B đã khởi kiện ra TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xin ly hôn chị, chị nhất trí ly hôn anh B, chị và anh B không có con chung, không có tài sản chung. Vì điều kiện chị ở xa nên chị đề nghị TAND huyện Hưng Hà giải quyết vắng mặt chị.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh B được ly hôn chị Q; anh B và chị Q không có con chung, không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết. Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Anh Trần Văn B khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Như Q, chị Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại T, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình, chị Q cũng nhất trí TAND huyện Hưng Hà giải quyết vụ án ly hôn giữa chị với anh B. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Chị Q đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị, vì vậy TAND huyện Hưng Hà xét xử vắng mặt chị Q theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân:* Anh Trần Văn B và chị Nguyễn Như Q kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-7-2014 (số 17-2016), đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, cả anh B và chị Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly

hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa anh B và chị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung*: Anh B và chị Q không có con chung.

[6] *Về chia tài sản*: Anh B và chị Q đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Anh Q phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn B và chị Nguyễn Như Q.
2. *Về nuôi con chung*: Anh Trần Văn B và chị Nguyễn Như Q không có con chung.
3. *Về chia tài sản*: Anh B và chị Q đều trình bày không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.
4. *Về án phí*: Anh Trần Văn B phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004759 ngày 10-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, anh B đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Nguyễn Mạnh Hà)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.